

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ MAI HÙNG

PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP
TRONG NÔNG THÔN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người HDKH: PGS.TS. Bùi Quang Bình

Đà Nẵng - Năm 2011

-2-

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Bùi Quang Bình

Phản biện 1: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 2: TS. Nguyễn Duy Thục

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đà Nẵng vào ngày 04 tháng 11 năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin- Học liệu, Đại học Đà Nẵng.**
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bình Định được đánh giá là tỉnh có nhiều tiềm năng về đất đai để phát triển công nghiệp khá lớn. Bên cạnh việc phát triển các KCN, việc phát triển các CCN đã góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng ngành công nghiệp trên địa bàn, nhất là phát triển công nghiệp khu vực nông thôn. Tuy nhiên, việc phát triển CCN ở Bình Định còn thiếu bền vững do sự đóng góp về giá trị SXCN trong GDP, KNXK, thu ngân sách nhà nước còn thấp; số lượng lao động có việc làm mới còn ít, nhất là vấn đề phát sinh ô nhiễm môi trường bên trong CCN; hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp đầu tư trong CCN chưa cao.

Việc phát triển CCN hợp lý sẽ tăng mức đóng góp vào nguồn thu của ngân sách ở địa phương, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh. Xuất phát từ những vấn đề trên, tác giả chọn đề tài: *“Phát triển cụm công nghiệp trong nông thôn tỉnh Bình Định”* để thực hiện luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế phát triển nhằm góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách về hiệu quả sử dụng đang đặt ra ở các CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định và phân nào giải quyết những vấn đề chung của các CCN ở nước ta hiện nay.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận phát triển các CCN.
- Đánh giá thực trạng phát triển CCN trong nền kinh tế, làm cơ sở để hình thành khung nội dung và phương pháp nghiên cứu cho đề tài.
- Đánh giá được mặt mạnh, trở ngại và nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển CCN ở nông thôn tỉnh Bình Định hiện nay.
- Kiến nghị và đề xuất một số giải pháp phát triển CCN ở nông thôn tỉnh Bình Định trong những năm tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Đề tài tập trung nghiên cứu việc phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2010 (thông qua các tiêu chí xác định kết quả sản xuất của CCN như tăng tỷ trọng công nghiệp trong GDP, kim ngạch xuất khẩu, giải quyết việc làm và tăng thu nhập, tăng thu ngân sách nhà nước, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác quản lý nhà nước...).

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê tổng hợp, mô tả số liệu và so sánh, các phương pháp phân tích kinh tế bằng cách tập hợp và tham khảo các báo cáo có liên quan, vận dụng lý luận để phân tích các số liệu thống kê nhằm rút ra những nét nổi bật, những đặc điểm qua các năm để nhận định và đánh giá.

- Điều tra, khảo sát thực tế nhằm đánh giá hiện trạng và thu thập thông tin có liên quan để bổ sung, phục vụ công tác nghiên cứu để có thể rút ra kết luận phản ánh đúng thực trạng của các CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện nay.

- Phương pháp chuyên gia được sử dụng để lấy ý kiến tham gia góp ý của lãnh đạo và chuyên viên theo dõi CCN của Sở Công Thương Bình Định và BQL các CCN của các huyện, thành phố.

5. Ý nghĩa khoa học thực tiễn của đề tài

Việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển các CCN ở nông thôn tỉnh Bình Định hy vọng sẽ đáp ứng được yêu cầu cấp bách trong bối cảnh hiện nay, góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định, tạo tiền đề để đến năm 2020, Bình Định cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp,

góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển Công nghiệp Việt Nam thời kỳ 2011-2020.

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

1.1. Khái niệm, đặc trưng và tầm quan trọng của CCN

1.1.1. Khái niệm về CCN

CCN là khu vực tập trung các DN, cơ sở sản xuất CN-TTCN, cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất CN-TTCN; có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm di dời, sắp xếp, thu hút các cơ sở sản xuất, các DN nhỏ và vừa, các cá nhân, hộ gia đình ở địa phương vào đầu tư sản xuất, kinh doanh; do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập.

1.1.2. Đặc trưng cơ bản của CCN

- CCN là mô hình khu công nghiệp quy mô nhỏ, được bố trí tại các huyện, thị xã, được hưởng các ưu đãi đầu tư sản xuất kinh doanh theo quy định riêng của tỉnh.

- Tại các CCN này có thể bố trí một số khu vực dành cho kinh doanh thương mại, dịch vụ phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh CN-TTCN và không ảnh hưởng tới tính chất và hoạt động sản xuất công nghiệp của CCN.

- CCN có quy mô diện tích không quá 50 ha, trường hợp cần thiết phải mở rộng CCN hiện có thì tổng diện tích sau khi mở rộng cũng không vượt quá 75 ha.

1.1.3. Phân loại CCN

Bao gồm CCN tổng hợp (đa ngành), CCN làng nghề, CCN chuyên ngành, CCN hiện đại (như KCN).

1.1.4. Phân biệt CCN với KCN, KCX và KKT:

1.1.4.1. Điểm giống nhau:

- Điều có diện tích đất sản xuất công nghiệp gồm nhiều doanh nghiệp hoạt động SXCN, có ranh giới địa lý xác định.

- Phân khu chức năng bao gồm các ngành truyền thống mà trong nước có lợi thế so sánh.

1.1.4.2. Điểm khác nhau:

- KCN được thành lập theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ.

- KCX được thành lập theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ.

- KKT được thành lập theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ.

1.1.5. Vai trò, vị trí của CCN đối với phát triển công nghiệp và tầm quan trọng của CCN ở nông thôn

1.1.5.1. Vai trò, vị trí của CCN đối với phát triển công nghiệp: Đảm bảo yêu cầu phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, đúng định hướng; thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá góp phần tăng trưởng GDP; từng bước xoá bỏ chênh lệch giữa các vùng nông thôn so với khu vực thành thị.

1.1.5.2. Tầm quan trọng của CCN ở nông thôn: Thu hút vốn đầu tư để phát triển kinh tế địa phương, góp phần giải quyết việc làm cho xã hội, tăng kim ngạch xuất khẩu, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế quốc dân; hình thành mối liên kết giữa các địa phương và nâng cao năng lực sản xuất trên địa bàn tỉnh.

1.2. Nội dung và tiêu chí phát triển CCN

1.2.1. Nội dung

1.2.1.1. Sự gia tăng quy mô CCN: Thể hiện qua số lượng CCN được

quy hoạch xây dựng, CCN được thành lập, mở rộng, CCN được bổ sung vào quy hoạch, CCN đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và tỷ lệ lấp đầy diện tích CCN...

1.2.1.2. *Gia tăng mật độ các nhân tố sản xuất của CCN:* Hoạt động đầu tư, tổng số dự án đầu tư, tổng vốn đã đầu tư của các doanh nghiệp/ dự án.

1.2.1.3. *Sự gia tăng kết quả hoạt động kinh tế- xã hội của các CCN:* Giá trị SXCN, giá trị xuất khẩu, nộp ngân sách, giải quyết lao động.

1.2.2. Hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển CCN

1.2.2.1. *Các tiêu chí đánh giá phát triển nội tại của CCN*

a- Chất lượng quy hoạch CCN.

b- Diện tích đất và tỷ lệ lấp đầy CCN: Mức độ sử dụng đất CCN đo bằng tỷ lệ diện tích CCN đã cho các doanh nghiệp thuê so với tổng diện tích CCN.

$$\% \text{ lấp đầy} = \frac{S_{\text{dct}}}{\sum S} \times 100\%$$

c- Vốn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu đầu tư:

- Vốn đầu tư trên một đơn vị diện tích đất CCN:

$$\text{Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ đồng/ha)} = \frac{\sum K}{\sum S}$$

- Vốn đầu tư bình quân của một dự án:

$$\text{Quy mô của một dự án (tỷ đồng/dự án)} = \frac{\sum K_{\text{CCN}}}{\sum N_p}$$

d- Kết quả và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong CCN: Bao gồm vốn đầu tư, giá trị SXCN, KNXK, nộp ngân sách.

e- Khả năng đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư: Phản ánh mức độ hấp dẫn nội bộ của CCN đối với nhà đầu tư.

1.2.2.2. *Các tiêu chí đánh giá tác động lan toả của CCN*

a- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, địa phương theo hướng CNH-HĐH và đóng góp vào ngân sách địa phương.

b- Hình thành chuỗi liên kết giữa các doanh nghiệp trong CCN có quan hệ mua bán hàng hoá, nguyên phụ liệu với các doanh nghiệp trong CCN.

c- Thu hút lao động và giải quyết việc làm, nhu cầu lao động, xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và ngành nghề lao động.

d- Tác động lan toả về mặt bảo vệ môi trường, khai thác hợp lý và tiết kiệm các nguồn tài nguyên, giải quyết vấn đề ô nhiễm CCN, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của CCN

1.3.1. *Điều kiện tự nhiên và tài nguyên:* Là tổng hợp các nguồn lực vốn có của CCN, đây là nhân tố cơ bản và trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của CCN bao gồm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên.

1.3.2. Cơ chế chính sách và môi trường kinh doanh

1.3.2.1. *Chính sách khuyến khích đầu tư vào CCN:* Chính sách ưu đãi đối với các DN đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN, đối với DN đầu tư vào CCN, hỗ trợ về cơ chế pháp lý...

1.3.2.2. *Môi trường vĩ mô:* Bao gồm môi trường chính trị, pháp lý; kinh tế; văn hóa - xã hội; tự nhiên, công nghệ.

1.3.2.3. *Môi trường vi mô:* Bao gồm khách hàng; đối thủ cạnh tranh; mối quan hệ CCN với cơ quan quản lý Nhà nước, chính quyền và dân cư địa phương.

1.3.3. **Đất đai và cơ sở hạ tầng:** Bao gồm đất đai; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật.

1.3.4. **Tình hình phát triển kinh tế ảnh hưởng đến sự phát triển CCN:** Nhu cầu cơ sở hạ tầng chỉ tăng nếu nền kinh tế phát triển hay

các DN làm ăn tốt từ đó có nhu cầu hạ tầng nhiều hơn. DN chỉ thuê mặt bằng sản xuất khi nhu cầu sản phẩm của họ tăng lên hay nói cách khác do cầu thuê mặt bằng K-CCN của DN mang tính chất gián tiếp.

1.3.5. Các nguồn lực: Lực lượng lao động và cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý; khả năng tài chính và năng lực tổ chức quản lý SXKD.

1.3.6. Cơ cấu công nghiệp và tái cơ cấu công nghiệp

1.3.6.1. Cơ cấu công nghiệp: Là một hệ thống phức hợp các ngành, các vùng, các thành phần... có tác động biện chứng với nhau trong những không gian và thời gian nhất định, trong những điều kiện KT-XH nhất định, được xác định cả về mặt định lượng và định tính, cả về số lượng và chất lượng cũng như phương thức mà chúng hợp thành.

1.3.6.2. Tái cơ cấu công nghiệp: Tái cơ cấu công nghiệp là sự thay đổi cơ cấu công nghiệp cả trên khía cạnh các bộ phận cơ cấu ngành, vùng, thành phần, mối quan hệ giữa chúng cả trên khía cạnh số lượng và chất lượng của cơ cấu để phù hợp với môi trường kinh tế tổng thể bảo đảm phát triển bền vững trong hội nhập kinh tế quốc tế.

1.4. Những bài học kinh nghiệm trong phát triển CCN

- Trong quy hoạch CCN, nên chọn khu vực có ít dân cư; cần tập trung nguồn lực xây dựng hoàn thành khu tái định cư để di dời dân phù hợp với tiến độ GPMB, xây dựng tường rào cổng ngõ dứt điểm một lần trên toàn bộ diện tích quy hoạch, thực hiện phân kỳ đầu tư hạ tầng theo nhu cầu đầu tư phát triển.

- Chọn thầu hoặc giao cho DN đầu tư kinh doanh hạ tầng có uy tín, năng lực và kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm.

- Cần quy hoạch và xây dựng nhà ở cho công nhân lao động trong các CCN.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP TRONG NÔNG THÔN TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. Các điều kiện để phát triển CCN

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên: Vị trí địa lý, khí hậu, địa hình.

2.1.1.2. Tài nguyên: Tài nguyên rừng, thủy hải sản, khoáng sản, tài nguyên nước.

2.1.2. Tình hình phát triển kinh tế của tỉnh ảnh hưởng đến phát triển CCN: Trong 10 năm (2001-2010), kinh tế Bình Định tăng trưởng khá nhanh và tương đối ổn định. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) bình quân thời kỳ 2001-2010 đạt 9,9%/năm.

2.1.3. Khung pháp lý và môi trường kinh doanh: Bình Định là tỉnh có môi trường đầu tư và kinh doanh khá thuận lợi, thông qua chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong những năm gần đây luôn đạt ở mức cao.

2.1.4. Đát đai và cơ sở hạ tầng (giao thông, bưu chính viễn thông).

2.1.5. Nguồn lực: Nguồn nhân lực, kinh phí.

2.2. Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển CCN giai đoạn 2006-2010

2.2.1. Thuận lợi:

- Vùng Duyên hải miền Trung (trong đó có Bình Định) đã được Bộ Chính trị đánh giá có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển KT-XH và an ninh quốc phòng đối với cả nước.

- Phương hướng phát triển KT-XH Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung đến 2010 và tầm nhìn đến 2020 được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo rõ trong Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004.

- Việc hình thành KKT Nhơn Hội, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung trong thời gian tới (nâng cấp quốc lộ 19 và các tuyến ngang từ quốc lộ 19 nối với các KCN, các vùng nông nghiệp và khu dịch vụ; hệ thống đường sắt, cảng biển, sân bay, bưu chính viễn thông...).

2.2.2. Khó khăn:

- Bình Định nằm cách xa hai trung tâm phát triển kinh tế mạnh của đất nước là thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Hạ tầng cơ sở còn có những hạn chế, bình quân thu nhập còn thấp.

2.3. Tổng quan về tình hình phát triển công nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2010

2.3.1. Những thành quả đạt được

2.3.1.1. Tình hình SXCN: Giá trị SXCN (giá cố định năm 1994) đến năm 2010 đạt 6.600 tỷ đồng, tăng 2,1 lần so năm 2005, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006-2010 đạt 16,2%/năm, tăng 1,4% so giai đoạn 2001-2005. Tỷ trọng CN-XD trong GDP của tỉnh năm 2010 chiếm 27,2%.

2.3.1.2. Hiện trạng phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu: Bao gồm (a) Chế biến thủy, hải, súc sản; (b) Chế biến mía- đường; (c) Chế biến dầu thực vật; (d) Chế biến lương thực; (e) Chế biến gỗ và lâm sản; (f) Sản xuất đồ uống, nước giải khát; (g) Công nghiệp may, giày dép; (h) Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; (i) Công nghiệp sản xuất VLXD, gốm sứ; (j) Công nghiệp cơ khí, điện tử; (k) Công nghiệp hoá chất, thuốc chữa bệnh; (l) Công nghiệp năng lượng.

2.3.1.3. Kết quả các chỉ số công nghiệp: Hầu hết các chỉ số công nghiệp tỉnh Bình Định đều phát triển theo hướng tích cực như vốn đầu tư phát triển công nghiệp, giá trị SXCN tăng thêm (VA), năng

suất lao động công nghiệp, chỉ số hóa công nghiệp. Riêng chỉ số ICOR công nghiệp không ổn định, có chiều hướng gia tăng, thể hiện hiệu quả đầu tư trong SXCN ngày càng thấp.

2.3.1.4. Thực trạng phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định: Số lượng doanh nghiệp mới phát triển khá nhanh. Hoạt động SXKD của các doanh nghiệp có nhiều khởi sắc và sôi động hơn, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh phát triển khá, vai trò của doanh nghiệp ngày càng được khẳng định và có những đóng góp quan trọng trong nền kinh tế tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, phát triển mất cân đối và chưa đồng đều, tập trung nhiều nhất là ở khu vực thành thị, nơi có cơ sở hạ tầng thuận lợi cho việc sản xuất và lưu thông hàng hoá.

2.3.1.5. Những mặt đạt được

- Tình hình SXCN giai đoạn 2006-2010 tuy còn nhiều khó khăn nhưng giá trị SXCN trên địa bàn tỉnh được duy trì với tốc độ tăng trưởng bình quân 16,2%/năm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng CN trong GDP hằng năm.

- Các ngành công nghiệp tiềm năng, lợi thế của tỉnh có bước phát triển khá; làng nghề được quy hoạch, củng cố và phát triển; giải quyết thêm được nhiều việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động, đặc biệt lao động trong khu vực nông thôn, góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

2.3.2. Những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân

2.3.2.1. Những tồn tại, yếu kém

- SXCN 5 năm qua tuy có tăng trưởng, nhưng mức tăng chậm, nhiều sản phẩm có giá trị sản xuất lớn nhưng sản lượng sản xuất tăng thấp.

- Tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các K-CCN nói chung còn chậm, thiếu mặt bằng.

- Tỉnh đã tạo môi trường thuận lợi và tích cực kêu gọi thành phần kinh tế nước ngoài vào đầu tư SXKD nhưng còn hạn chế.

2.3.2.2. Nguyên nhân

- Ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, lãi suất vay tăng, giá cả nguyên nhiên vật liệu tăng nhanh; sức mua của thị trường truyền thống tại các nước giảm sút đáng kể.

- Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hình thành vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến chậm.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ban, địa phương trong việc triển khai các chương trình công tác liên ngành có một số mặt chưa đồng bộ.

- Trong xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích về đầu tư trong các K-CCN đã không dự lường hết khả năng nguồn vốn chi trả; nguồn vốn huy động, ứng trước từ các doanh nghiệp trong CCN chưa đủ mạnh để thực hiện đầu tư hạ tầng.

- Theo Chương trình số 04/TU, 05/TU của Tỉnh ủy về đầu tư phát triển các K-CCN, trong đó giá trị SXCN tạo ra ở KCN trong KKT Nhơn Hội chiếm 30%, trong các KCN chiếm 48% so toàn ngành công nghiệp đã không thực hiện được.

- Một số dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2006-2010 không triển khai được hoặc đã đi vào hoạt động nhưng không phát huy hiệu quả rồi ngừng.

2.4. Tổng quan về tình hình phát triển các K-CCN

2.4.1. Tình hình phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định

Trên toàn địa bàn tỉnh Bình Định hiện đã quy hoạch xây dựng 11 KCN với tổng diện tích 3.120 ha. Trong đó có 2 KCN Phú

Tài và Long Mỹ đã đi vào hoạt động, thu hút 191 doanh nghiệp đăng ký đầu tư với tổng vốn đầu tư 380.000 tỷ đồng (*suất đầu tư trên 11 tỷ đồng/ha*), trong đó có 109 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất, giải quyết việc làm 20.800 lao động, giá trị SXCN năm 2010 đạt gần 2.400 tỷ đồng, KNXXK đạt 173 triệu USD, 64 DN đang xây dựng và chờ GPMB.

2.4.2. Tình hình phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh Bình Định

Các CCN cũng phát triển nhanh chóng, đến nay đã có 38 CCN được quy hoạch xây dựng với tổng diện tích 1.185 ha, có 23/38 CCN đi vào hoạt động, trong đó có 8 CCN đạt tỷ lệ lấp đầy diện tích 100%, 4 CCN có tỷ lệ lấp đầy từ 50% trở lên và 11 CCN có tỷ lệ lấp đầy dưới 50%; thu hút 456 doanh nghiệp và cơ sở sản xuất có quy mô vừa và nhỏ tham gia đầu tư (trong đó có 410 DN đã hoạt động), được giao đất xây dựng nhà xưởng sản xuất diện tích 258ha với tổng vốn đăng ký đầu tư 1.783 tỷ đồng (*suất đầu tư đạt gần 7 tỷ đồng/ha*), vốn thực hiện 1.127 tỷ đồng, đạt 63% so tổng vốn đăng ký; đã có 411 doanh nghiệp và cơ sở sản xuất đi vào hoạt động, tạo việc làm cho 13.000 lao động, giá trị SXCN khoảng 800 tỷ đồng.

2.5. Thực trạng phát triển CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định

2.5.1. Sự gia tăng quy mô CCN trong nông thôn

2.5.1.1. *Số lượng các CCN*: Tính đến năm 2010, tổng số CCN đã phê duyệt quy hoạch xây dựng là 34 CCN với tổng diện tích 1.86ha; trong đó, có 22/34 CCN với diện tích 763,7ha được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết, GPMB và triển khai xây dựng hạ tầng; việc bố trí các cơ sở vào đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất phù hợp với phân khu chức năng theo QHCT đã được phê duyệt.

2.5.1.2. *Tổng vốn đầu tư CCN*: Tổng số nhu cầu vốn đầu tư xây dựng hạ tầng 34 CCN khoảng 919 tỷ đồng; vốn đã thực hiện khoảng 210,3

tỷ đồng, đạt gần 22,8% so tổng nhu cầu vốn; trong đó vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho CCN Gò Đá Trắng trước năm 2006 là 1 tỷ đồng; các CCN thuộc 3 huyện miền núi và Hoài Ân trong giai đoạn 2006-2010 là 11 tỷ đồng.

2.5.1.3. Tỷ lệ diện tích được lấp đầy: Đến nay, có 21/34 CCN đi vào hoạt động, trong đó có 5 CCN đạt tỷ lệ lấp đầy diện tích 100%, 5 CCN có tỷ lệ lấp đầy từ 50% trở lên và 11 CCN có tỷ lệ dưới 50%.

2.5.2. Gia tăng mật độ các nhân tố sản xuất của CCN

2.5.2.1. Số lượng doanh nghiệp: CCN đã thu hút 390 doanh nghiệp và cơ sở sản xuất có quy mô vừa và nhỏ tham gia đầu tư, được giao đất xây dựng nhà xưởng sản xuất diện tích 216,3ha; đã có 346 doanh nghiệp và cơ sở sản xuất đi vào hoạt động.

2.5.2.2. Vốn đầu tư: Tổng vốn đăng ký đầu tư vào các CCN là 1.567 tỷ đồng (*suất đầu tư đạt gần 7,5 tỷ đồng/ha*), vốn thực hiện 899 tỷ đồng, đạt 57,4% so tổng vốn đăng ký.

2.5.2.3. Lao động: Các CCN đi vào hoạt động đã thu hút và tạo việc làm cho 11.190 lao động, chiếm tỷ lệ 10% so tổng số lao động ngành công nghiệp toàn tỉnh, chủ yếu là người dân sinh sống tại khu vực quanh CCN với mức thu nhập bình quân từ 1,5-2,5 triệu đồng/người/tháng.

2.5.3. Sự gia tăng kết quả hoạt động kinh tế- xã hội của các CCN

2.5.3.1. Giá trị SXCN: Hoạt động của các cơ sở sản xuất trong các CCN trong năm 2010 tạo ra khoảng 800 tỷ đồng giá trị SXCN, chiếm 12% so với toàn tỉnh, góp phần gia tăng giá trị SXCN toàn tỉnh khoảng 16,2%/năm trong giai đoạn 2006-2010.

2.5.3.2. KNXK: Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đầu tư trong CCN có chiều hướng phát triển, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu thị trường trong nước, tuy tỷ lệ hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng

thấp nhưng năm sau tăng hơn năm trước. Đến năm 2010 KNXK đạt 34,4 triệu USD, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2006-2010 đạt 14,9%/năm.

2.5.3.3. Nộp ngân sách: Đến năm 2010 nộp ngân sách 154 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2006-2010 đạt 33,4%/năm.

2.5.3.4. Doanh thu và lợi nhuận: Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đầu tư trong CCN có chiều hướng phát triển, đến năm 2010 doanh thu của các doanh nghiệp trong CCN đạt 8.540 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2006-2010 đạt 28,6%/năm; lợi nhuận đạt 1.025 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2006-2010 đạt 23%/năm.

2.5.4. Tình hình phát triển của các CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2010

Bao gồm các huyện Tuy Phước, An Nhơn, Tây Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP TRONG NÔNG THÔN TỈNH BÌNH ĐỊNH

3.1. Cơ sở hình thành các giải pháp phát triển CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định

- Căn cứ vào những tồn tại được rút ra từ phân tích thực trạng giai đoạn 2006-2010.

- Căn cứ vào xu hướng tác động của các nhân tố có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của các CCN trong nông thôn.

- Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Bình Định và mục tiêu, quy hoạch phát triển các CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020.

3.1.1. Mục tiêu phát triển công nghiệp và CCN tỉnh Bình Định đến năm 2020

3.1.1.1. Mục tiêu phát triển và định hướng tái cơ cấu sự phân bố công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020

a- Mục tiêu phát triển công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020: Phát triển công nghiệp giai đoạn 2011-2015 phải đảm bảo đạt các điều kiện cần thiết, tạo tiền đề để đến năm 2020, Bình Định cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp.

b- Định hướng tái cơ cấu sự phân bố công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định

- Vùng “Độc Quốc lộ 19 và thành phố Quy Nhơn”: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp lọc, hóa dầu, thép, thủy sản, chế biến nông lâm sản, VLXD, công nghiệp hàng tiêu dùng.

- Vùng “Đồng bằng ven biển và ven Quốc lộ 1A”: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, VLXD, chế biến thủy hải sản, thức ăn chăn nuôi.

- Vùng “Trung du và miền núi”: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, cơ khí sửa chữa, thủy điện nhỏ.

3.1.1.2. Mục tiêu phát triển CCN tỉnh Bình Định đến năm 2020

3.1.2. Dự báo các yếu tố và nguồn lực tác động đến sự phát triển CCN

- Bình Định đã được Chính phủ đưa vào Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và bổ sung trong "Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng"

- Bình Định có vị trí địa lý thuận lợi cùng với các tiềm năng, lợi thế về kinh tế chính trị, văn hoá xã hội và nguồn lực được tích lũy trong nhiều năm qua.

- Bình Định đã và đang tổ chức phân bố lại các cơ sở SXCN một cách hài hoà giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng lãnh thổ làm tiền đề thực hiện sự nghiệp CNH- HĐH nông thôn

3.1.3. Lựa chọn các giải pháp có tính chiến lược

3.1.3.1. *Lựa chọn công cụ phân tích làm cơ sở khoa học để hình thành giải pháp:* Tác giả lựa chọn công cụ phân tích là “Ma trận SWOT” để hình thành các giải pháp nhằm phát triển các CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định.

3.1.3.2. *Lựa chọn các giải pháp có tính chiến lược từ phân tích ma trận SWOT*

- Nhóm SO: Lựa chọn phương án SO 2, nên giải pháp hình thành sẽ là “*Công tác quy hoạch, tạo mối liên kết, hợp tác phát triển*”.

- Nhóm ST: Lựa chọn phương án ST 2, nên giải pháp hình thành sẽ là “*Tăng cường thu hút đầu tư, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu đầu tư*”.

- Nhóm WO: Lựa chọn phương án WO 1, nên giải pháp hình thành sẽ là “*Phát triển nguồn nhân lực*”.

- Nhóm WT: Lựa chọn phương án WT 2, nên giải pháp hình thành sẽ là “*Nâng cao hiệu quả quản lý các CCN trong nông thôn*”.

3.1.4. Quy hoạch phát triển CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định

3.1.4.1. Quan điểm

- Phát triển CCN phải phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh và các quy hoạch khác liên quan.

- Phát triển CCN phải phù hợp với tiềm năng hiện có, phải gắn chặt với công tác bảo vệ môi trường, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút đầu tư.

- Tận dụng lợi thế của Vùng kinh tế trọng điểm, hành lang

Đông - Tây để phát triển CCN phục vụ không những cho phát triển CN-TTCN mà còn phục vụ cho mục đích dịch vụ kho vận, bến bãi...

- Bố trí hợp lý phát triển công nghiệp giữa các vùng, miền nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước xây dựng nông thôn mới.

3.1.4.2. Phương hướng

a- Nguyên tắc phát triển CCN

- Phát triển các CCN trong nông thôn phải đặt trong tổng thể và gắn chặt chẽ với Quy hoạch phát triển KT-XH chung của tỉnh Bình Định, Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020, Quy hoạch đô thị và phân bố dân cư trên địa bàn toàn tỉnh.

- Xây dựng và phát triển các CCN phải có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tính tổng thể, thống nhất trong toàn tỉnh.

- Phát triển CCN không sử dụng đất đã QH trồng lúa, có điều kiện kết nối hạ tầng thuận lợi.

b- Yêu cầu

- Tạo quỹ đất hợp lý đủ cho phát triển CN-TTCN trên địa bàn toàn tỉnh; phát triển CCN phải gắn kết hợp lý với Quy hoạch phát triển các KCN tập trung của tỉnh.

- Để đón đầu phát triển kinh tế hành lang Đông - Tây, trong các CCN phải quy hoạch quỹ đất dành cho phát triển các dịch vụ kho tàng, bến bãi.

c- Lựa chọn địa điểm xây dựng CCN

- Việc lựa chọn vị trí trước hết căn cứ vào hệ thống giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực và mối liên kết với cơ sở sản xuất CN-TTCN hiện có

- CCN phải bố trí tách rời khu dân cư và không làm ảnh

hưởng đến cảnh quan của các di tích lịch sử, văn hoá và danh thắng, khu vực an ninh, quốc phòng...; có hệ thống giao thông riêng hoặc gần các đầu mối giao thông chính, gần nguồn cung cấp điện.

d- Một số yêu cầu khi xây dựng CCN

- CCN phải có các điều kiện cơ sở hạ tầng tối thiểu cho phát triển sản xuất.

- Chi phí đầu tư xây dựng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật và giá trị bồi thường thiệt hại thấp, giá trị sử dụng đất cao; bán kính thu gom nguyên liệu hợp lý.

3.1.4.3. Mục tiêu cụ thể:

- Phần đầu đến năm 2020, lấp đầy 50- 60% diện tích đất cho thuê tại 23 CCN còn lại, thu hút thêm khoảng 8.000 lao động có việc làm mới, giá trị SXCN được tạo ra trong các CCN 6.300 tỷ đồng, chiếm 16,2% giá trị SXCN toàn tỉnh.

- Suất đầu tư các dự án (mới) vào CCN phải đạt từ 6 tỷ đồng trở lên trên một đơn vị diện tích (ha).

3.1.4.4. Bổ sung quy hoạch phát triển các CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định:

Định hướng trên địa bàn tỉnh Bình Định có 62 CCN với tổng diện tích 2.077 ha; dự kiến bổ sung mới 28 CCN và một số CCN mở rộng với có diện tích là 1.004 ha; trong đó, dự kiến có 58 CCN trong nông thôn với diện tích 1.998,3 ha đến năm 2020.

3.2. Một số giải pháp phát triển CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định

3.2.1. Công tác quy hoạch, tạo mối liên kết, hợp tác phát triển

- Tăng cường nâng cao chất lượng công tác quy hoạch CCN: Quy hoạch tổng thể, chi tiết; tạo mối liên kết, hợp tác phát triển.

- Tiếp tục quy hoạch một số CCN trong nông thôn.

- Nhanh chóng việc thực hiện di dời đối với các nhà máy, cơ

sở sản xuất gây ô nhiễm vào CCN.

- Xây dựng mối liên hệ giữa các CCN với KCN và KKT trên địa bàn tỉnh; với các CCN, KCN và KKT trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung.

3.2.2. Tăng cường thu hút đầu tư, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu đầu tư

- Xây dựng chiến lược thu hút đầu tư một cách hiệu quả. Quản lý chặt chẽ công tác thu hút đầu tư và cấp phép đầu tư vào các CCN theo đúng quy hoạch và định hướng đề ra.

- Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Bình Định tỉnh tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư có mục tiêu, có địa chỉ cụ thể; liên kết chặt chẽ với các địa phương trong tỉnh trong thu hút đầu tư và phân bổ ngành nghề hợp lý.

- Phối hợp với các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng các CCN thông tin công khai, minh bạch các chính sách có liên quan thu hút đầu tư vào CCN.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng, các hiệp hội ngành nghề, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, định kỳ tiến hành tổ chức các hội chợ nhằm xúc tiến thương mại, tìm đầu ra cho sản phẩm sản xuất từ các CCN.

3.2.3. Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo

+ Rà soát, đổi mới chương trình, nội dung đào tạo theo hướng thực tế.

+ Củng cố, tăng cường, đổi mới lực lượng làm công tác giảng dạy, đào tạo phù hợp tiến bộ khoa học và kỹ thuật công nghệ.

+ Rà soát, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo, dạy nghề

+ Đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học, thiết bị thực tập, phòng thí nghiệm, xưởng trường theo hướng cập nhật; mở rộng xã hội hoá, khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các cơ sở dạy nghề, mở lớp dạy nghề.

- Chiến lược liên kết đào tạo: Xây dựng cơ sở liên kết giữa các đơn vị đào tạo nghề của CCN với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng chương trình riêng đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt trong quản lý các CCN.

- Chính sách về tuyển dụng, đãi ngộ: Có chính sách cụ thể thu hút lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật vào làm việc tại các CCN; thu hút, đãi ngộ đối với giáo viên dạy nghề trong các ngành kinh tế mũi nhọn; xúc tiến thành lập các tổ chức đoàn thể.

3.2.4. Nâng cao hiệu quả quản lý CCN

- Thành lập Trung tâm phát triển CCN, là đơn vị sự nghiệp kinh tế có thu trực thuộc UBND cấp huyện.

- Tiến hành xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng các chương trình tin học trong quản lý các CCN; cải tiến, hợp lý hoá các quy trình nghiệp vụ tại BQL các CCN; nâng cao chất lượng công tác đối thoại với DN đầu tư SXKD trong CCN theo định kỳ.

- Đề xuất, kiến nghị với các cấp rà soát, bổ sung hoàn thiện và xây dựng mới văn bản pháp luật liên quan; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cơ sở trên các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, xây dựng, môi trường...; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đủ trình độ năng lực trong công tác chuyên môn và có đạo đức trong sáng...

3.2.5. Nhóm các vấn đề về khung pháp lý

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách đã ban hành như chính sách khuyến khích phát triển công

ng nghiệp nông thôn (Nghị định 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ), phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015 (Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ)...

- Đẩy mạnh cơ chế phân cấp và ủy quyền trong quản lý theo hướng giao cho Trung tâm phát triển CCN các chức năng và nhiệm vụ giống như BQL các KCN.

3.2.6. Nhóm các vấn đề liên quan đến đất đai và hạ tầng cơ sở

- Về đất đai: Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; nhất là quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển công nghiệp...

- Về hạ tầng cơ sở: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

3.2.7. Nhóm các vấn đề liên quan đến dịch vụ

- Tập trung phát triển các dịch vụ phục vụ trong các CCN.
- Thành lập nhóm nghiên cứu nhằm cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp.
- Quy hoạch phát triển nguồn nguyên liệu đầu vào CCN
- Tạo chỗ ở ổn định cho người lao động
- Phát triển CCN kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường
- Tăng cường công tác an ninh trật tự trong và ngoài CCN.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hiện chưa có đề tài nào nghiên cứu về phát triển các CCN ở nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định cũng như các địa phương khác trên cả nước.

Đề tài xem xét một cách tổng hợp những vấn đề trong và

ngoài CCN trong mối tương quan hợp tác với các địa phương khác trong vùng. Đánh giá thực trạng phát triển các CCN ở nông thôn tỉnh Bình Định một cách thực tế và trung thực nhất làm cơ sở đề ra mục tiêu và giải pháp nhằm giúp cho các CCN ở nông thôn tỉnh Bình Định phát triển tương xứng tiềm năng trong một thời kỳ nhất định đến năm 2020.

Phát triển các CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định là bước cụ thể hóa Quy hoạch phát triển công nghiệp Bình Định đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Bình Định lần thứ XVIII. Thông qua việc định hướng phát triển các CCN trong nông thôn làm cơ sở cho triển khai công tác lập quy hoạch chi tiết; tạo điều kiện phân bổ hợp lý các nguồn lực kinh tế, tập trung đầu tư có trọng điểm hạ tầng kỹ thuật cho phát triển ngành công nghiệp theo hướng CNH-HĐH. Bên cạnh việc tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo, phát triển CCN trong nông thôn tỉnh Bình Định còn có ý nghĩa to lớn về mặt kinh tế- xã hội, đó là:

- Phát triển CN-TTCN tăng trưởng nhanh, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp- dịch vụ, phân bổ SXCN hợp lý hơn theo vùng lãnh thổ, đẩy mạnh tiến trình CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn.

- Giảm thiểu và có điều kiện xử lý các vấn đề môi trường do hoạt động CN-TTCN gây ra. Phát triển CN theo hướng bền vững.

- Giải quyết việc làm cho người lao động ở các vùng nông thôn, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, xóa dần khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn và chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, góp phần xây dựng thành công nông thôn mới.

- Tạo điều kiện thuận lợi thu hút, khuyến khích các thành

phần kinh tế trong và ngoài nước mạnh dạn đầu tư phát triển CN-TTCN, hướng tới hình thành các khu vực công nghiệp lớn.

Để phát triển công nghiệp ổn định và bền vững, cần phát huy triệt để nội lực của nhân dân trong tỉnh, tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài cho đầu tư, bằng nhiều hình thức liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng hoàn thiện các chính sách, cơ chế kinh tế linh hoạt nhằm động viên khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xây dựng hạ tầng các CCN, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp Bình Định đạt được mục tiêu đề ra.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Trung ương

Cho phép các CCN ở nông thôn tỉnh Bình Định được hưởng chính sách hỗ trợ theo Thông tư số 13/2008/TT-BCT ngày 05/11/2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các vùng Tây Nguyên, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ theo các Quyết định số 25/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 27/2008/QĐ-TTg ngày 05/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ với mức hỗ trợ 6 tỷ đồng/CCN.

2.2. Đối với UBND tỉnh Bình Định

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu đề xuất kế hoạch hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng các hạng mục, công trình hạ tầng CCN theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ trình Trung ương cân đối vốn hỗ trợ theo quy định.

- Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố kiện toàn mô hình tổ chức và nhân sự BQL các CCN theo hướng thành lập Trung tâm phát triển CCN; Chỉ đạo tăng cường trách nhiệm đối với các chủ đầu tư trên một số lĩnh vực như kêu gọi thu hút đầu tư, quản lý, bảo vệ môi

trường, tiến độ triển khai dự án...

- Xem xét ban hành mới một số chính sách nhằm thu hút đầu tư, nâng cao khả năng hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia đóng góp của các doanh nghiệp đối với nền kinh tế của tỉnh; bổ sung chính sách khuyến khích đầu tư nhanh đối với các CCN có vị trí thuận lợi, thu hút đầu tư nhưng khó khăn về vốn.

- Quy định vốn từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất tại địa phương giành từ 10-15% để tạo quỹ cho phát triển xây dựng hạ tầng các CCN.

- Chính sách ưu đãi các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm có thị trường, đặc biệt là hàng xuất khẩu; các dự án sử dụng công nghệ hiện đại hoặc tiên tiến; các dự án ngành công nghiệp hỗ trợ; dự án sử dụng nguyên liệu tại chỗ, thu hút nhiều lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển lấp đầy nhanh các CCN.

- Chỉ đạo ngành Điện ưu tiên cung ứng điện phục vụ yêu cầu sản xuất công nghiệp, nhất là hoạt động sản xuất công nghiệp trong các CCN.

- Không cấp đất cho các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ở ngoài các CCN đã có quy hoạch và đang triển khai đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo thu hút, thực hiện quản lý Nhà nước theo quy hoạch và tránh tác động không tốt về môi trường.